TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **549**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Vũ Trung Kiên
2/ Ông Nguyễn Bảo Lâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thanh Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1182/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Bích V, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: E L, Phường B, quận T, TP .

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: E L, Phường B, quận T, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị Bích V trình bày: Bà và ông Trần Văn M tự nguyện đi đến hôn nhân, kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân quận T, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2018. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuộc sống gia đình vì thế rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông và bà Mai Thị Bích V không có mâu thuẫn gì nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông M không có ý kiến.

Về tài sản chung: Ông M không có ý kiến.

Về nợ chung: Ông M không có ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị Bích V có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Bích V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Mai Thị Bích V xin ly hôn với ông Trần Văn M cư trú tại E L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Mai Thị Bích V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân quận T, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Bích V và ông Trần Văn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông M, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M không đồng ý ly hôn. Xét ông M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho thời gian để các bên hòa giải với nhau. Mặc khác, ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tiếp tục hòa giải chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà V. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà V và ông M đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ.

Về con chung: Bà V khai không có.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V khai không có.

[4] Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn sơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Bích V được ly hôn với ông Trần Văn M.

- Về con chung: Bà V khai không có.

- Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà V khai không có

2/ Về án phí:

Bà Mai Thị Bích V phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008531 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân